

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2012	13 - 30
8. Phụ lục 01: Bảng cân đối kế toán chi tiết theo bộ phận	31 - 34
9. Phụ lục 02: Kết quả kinh doanh chi tiết theo bộ phận	35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Vận Tải Khánh Hòa được thành lập do chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Dịch Vụ Vận tải Khánh Hòa sang Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 22 tháng 06 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200235197 ngày 24 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 05 tháng 9 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 20.678.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại : (058) 3 813 885 – (058) 3 828 251

Fax : (058) 3 814 301

Email : cty-dvvtkh@dng.vnn.vn

Mã số thuế : 4 2 0 0 2 3 5 1 9 7

Hoạt động chính của Công ty là: Khai thác bến xe và đưa đón khách; Dịch vụ vận tải hàng hóa; Kinh doanh vận tải biển trong nước; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ ăn uống, nghỉ trọ cho lái xe, phụ xe và hành khách; Dịch vụ kỹ thuật, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; rửa xe bơm dầu mỡ; Kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh vận tải khác theo tuyến cố định; Vận tải khách bằng xe buýt; vận tải khách theo hợp đồng; Vận tải khách du lịch.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 35).

Trong năm, Công ty đã trích bổ sung các quỹ năm 2011 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Thông tư 138/2010/TT - BTC ngày 17 tháng 9 năm 2010 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	159.693.008 VND
- Trích quỹ khen thưởng	1.253.757.163 VND
- Trích quỹ phúc lợi	686.216.087 VND
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	71.861.854 VND
Cộng	2.171.528.112 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 về việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Vận tải Khánh Hòa. Thời điểm xác định giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa là ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Ban điều hành, quản lý

Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ngô Văn Định	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty	29 tháng 08 năm 2012	-
Ngô Văn Định	Phó Giám đốc trách	01 tháng 05 năm 2012	29 tháng 08 năm 2012
Hoàng Ân	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty	24 tháng 09 năm 2010	01 tháng 05 năm 2012
Ngô Văn Định	Phó Giám đốc	10 tháng 10 năm 2010	01 tháng 05 năm 2012
Lê Văn Thanh	Phó Giám đốc	10 tháng 10 năm 2010	-
Huỳnh Thị Hoài Phương	Kế toán trưởng	10 tháng 10 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài Chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Vận Tài Khánh Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Ngô Văn Định
Giám đốc

Ngày 12 tháng 03 năm 2013

~~09.974~~
Số chứng thực Quyền số SCT/CK
Ngày ~~1~~ **07** tháng năm 201.....
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯƠNG SÀI



Nguyễn Thị Ánh Phương



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN *A&C*
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Số: 016/2013/BCTC-KTTV

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Quê St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

BẢN SAO



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA**

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Vận Tải Khánh Hòa gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 01 năm 2013, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Vận Tải Khánh Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về việc Công ty chưa hoàn tất các thủ tục nhận bàn giao tài sản và nguồn vốn từ Công ty Dịch Vụ Vận Tải Khánh Hòa. Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi khi có sự khác nhau giữa tài sản và nguồn vốn nhận bàn giao theo hồ sơ bàn giao chính thức được phê duyệt bởi Sở Tài chính so với số liệu được Công ty tạm ghi nhận vào Báo cáo tài chính tại thời điểm bàn giao.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
Chi nhánh Nha Trang – Khánh Hòa



Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0979/KTV

TP.Nha Trang, ngày 12 tháng 03 năm 2013

Số chứng thực 03.975
Quyển số.....SCT/CK
Ngày 31-07-2015 tháng.....năm 201.....



Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1513/KTV

Nguyễn Thị Ánh Phương

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN SAO**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.463.927.452	15.932.888.420
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.881.880.532	12.590.096.570
1. Tiền	111		1.331.880.532	890.096.570
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.550.000.000	11.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		351.363.732	455.061.151
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	297.521.578	47.400.000
2. Trả trước cho người bán	132		-	311.182.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	53.842.154	96.479.151
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.466.516.007	1.967.073.559
1. Hàng tồn kho	141	V.4	1.466.516.007	1.967.073.559
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.764.167.181	920.657.140
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	222.122.490	299.132.332
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	9.542.044.691	621.524.808
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.745.333.941	14.608.082.010
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		14.489.934.668	14.400.094.532
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	14.331.687.711	14.271.847.575
<i>Nguyên giá</i>	222		49.952.352.271	45.349.349.086
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(35.620.664.560)	(31.077.501.511)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		25.000.000	25.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(25.000.000)	(25.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	158.246.957	128.246.957
III. Bất động sản đầu tư	240			
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		255.399.273	207.987.478
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	255.399.273	207.987.478
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		34.209.261.393	30.540.970.430

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.017.647.126	7.934.451.138
I. Nợ ngắn hạn	310		10.521.233.497	6.762.568.253
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	-	184.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.12	1.257.335.142	835.319.955
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	152.420.000	162.745.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	299.788.250	373.360.818
5. Phải trả người lao động	315	V.15	4.764.631.079	3.209.401.026
6. Chi phí phải trả	316	V.16	1.317.001.661	150.365.131
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	331.511.447	176.538.297
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	2.398.545.918	1.670.838.026
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.496.413.629	1.171.882.885
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	873.550.000	734.050.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	196.014.703
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.20	622.863.629	241.818.182
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.191.614.267	22.606.519.292
I. Vốn chủ sở hữu	410		22.191.614.267	22.606.519.292
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	20.678.526.451	20.678.526.451
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.21	906.704.615	906.704.615
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	606.383.201	446.690.193
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	-	574.598.033
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		34.209.261.393	30.540.970.430

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lê Văn Long
Người lập biểu

Huỳnh Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng



Ngô Văn Định
Giám đốc

Nha Trang, ngày 25 tháng 01 năm 2013

PHÒNG QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH KINH DOANH KINH BAN CHÍNH
Số chứng thực 05.976
Quyển số SCT/CK
Ngày 31-07-2015 tháng năm 2015
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯƠNG SÀI



Nguyễn Thị Ánh Phương

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN SAO**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	65.775.550.819	56.933.445.013
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	65.775.550.819	56.933.445.013
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	60.941.690.663	52.962.867.062
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.833.860.156	3.970.577.951
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	902.526.497	1.162.397.502
7. Chi phí tài chính	22		1.928.000	97.152.144
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.928.000	97.152.144
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	3.987.698.419	3.483.638.579
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.746.760.234	1.552.184.730
11. Thu nhập khác	31	VI.5	532.522.744	394.806.654
12. Chi phí khác	32	VI.6	9.627.962	62.587.941
13. Lợi nhuận khác	40		522.894.782	332.218.713
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.269.655.016	1.884.403.443
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	672.724.937	593.401.239
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.596.930.079	1.291.002.204
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			-	-

CHUNG THỰC BẢN SAO DỰNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 03-07770 Quyền số SCT/CK

Ngày 31-07-2015 năm 2015

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HƯỜNG PHƯƠNG SÀI

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

TP. Nha Trang, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Lê Văn Long
Người lập biểu

Huỳnh Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Ngô Văn Định
Giám đốc

(Handwritten signature)
Nguyễn Thị Ánh Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.269.655.016	1.884.403.443
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7	4.608.324.872	6.352.204.015
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.6	(880.297.243)	(1.144.426.748)
- Chi phí lãi vay	06		1.928.000	97.152.144
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.999.610.645	7.189.332.854
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.061.791.736)	12.197.119.363
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		500.557.552	(425.316.672)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.473.988.990	(2.942.971.443)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		29.598.047	304.955.231
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.928.000)	(97.152.144)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.14	(702.795.831)	(538.945.094)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		210.641.000	427.858.492
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3.411.907.940)	(2.743.877.238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(964.027.273)	13.371.003.349
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.439.002.655)	(1.967.729.261)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.3, VI.3	878.813.890	1.136.413.845
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.560.188.765)	(831.315.416)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

NHÀ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.11	(184.000.000)	(1.624.032.960)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(407.177.532)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(184.000.000)	(2.031.210.492)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.708.216.038)	10.508.477.441
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.590.096.570	2.081.619.129
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7.881.880.532	12.590.096.570

Nha Trang, ngày 25 tháng 01 năm 2013

(Signature)

Lê Văn Long
Người lập biểu

(Signature)

Huỳnh Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng



Ngô Văn Định
Giám đốc

Số chứng thực 05.978 SCT/CK
Quyển số

Ngày 31 tháng 07 năm 2015

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH NHA TRANG PHƯƠNG SÀI



(Signature)
Nguyễn Thị Ánh Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ vận tải.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Khai thác bến xe và đưa đón khách; Dịch vụ vận tải hàng hóa; Dịch vụ ăn uống, nghỉ trọ cho lái xe, phụ xe và hành khách; Dịch vụ kỹ thuật, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, rửa xe, bơm dầu mỡ; Kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định, vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 399 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 413 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng bên xe chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

10. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí sửa chữa và chi phí sửa chữa lớn xe buýt được trích trước theo hướng dẫn tại Thông tư 39/2003/TT-BTC, ngày 29/04/2003 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cơ chế đối với các doanh nghiệp vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt tại các đô thị.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Quỹ dự phòng tài chính với mục đích bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....với tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế là 10%, khi số dư bằng 25% vốn điều lệ thì không trích nữa.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi với mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Doanh thu hoạt động xe buýt bao gồm doanh thu bán vé và doanh thu được trợ giá từ ngân sách Nhà Nước (xem thuyết minh số VII.1).

Thu nhập từ thanh lý tài sản

Thu nhập từ thanh lý tài sản được xác định bằng doanh thu thu được do chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản trừ giá trị còn lại của tài sản chuyển nhượng, thanh lý ghi trên sổ sách kế toán tại thời điểm chuyển nhượng, thanh lý và các khoản chi phí được trừ liên quan đến việc chuyển nhượng, thanh lý tài sản.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	318.369.850	214.100.532
Tiền gửi ngân hàng	1.013.510.682	675.996.038
Các khoản tương đương tiền (<i>tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng</i>)	6.550.000.000	11.700.000.000
Cộng	<u>7.881.880.532</u>	<u>12.590.096.570</u>

2. Phải thu khách hàng

Khoản phải thu một số khách hàng lẻ của hoạt động bến xe.

3. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	20.973.000	11.400.000
Thuế thu nhập cá nhân còn phải thu	15.723.051	84.875.903
Phải thu khác	17.146.103	203.248
Cộng	<u>53.842.154</u>	<u>96.479.151</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu xe buýt	1.366.151.592	1.803.264.386
Công cụ, dụng cụ	100.364.415	163.809.173
Cộng	<u>1.466.516.007</u>	<u>1.967.073.559</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)C
T
K
H**5. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí công cụ dụng cụ phát sinh, chi tiết từng bộ phận như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ hoạt động bên xe	61.191.107	83.444.029
Công cụ hoạt động xe buýt	160.931.383	215.688.303
Cộng	<u>222.122.490</u>	<u>299.132.332</u>

6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản trợ giá xe buýt còn phải thu Nhà nước theo Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2012 của UBND Tỉnh Khánh Hòa.	9.517.592.338	621.524.808
Thuế thu nhập cá nhân còn phải thu	24.452.353	-
Cộng	<u>9.542.044.691</u>	<u>621.524.808</u>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.861.705.526	215.233.967	31.887.772.254	384.637.339	45.349.349.086
Tăng trong năm	4.629.004.655	-	-	47.250.000	4.676.254.655
Mua trong năm	120.883.000	-	-	47.250.000	168.133.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	4.508.121.655	-	-	-	4.508.121.655
Giảm khác	(12.150.000)	-	-	(61.101.470)	(73.251.470)
Thanh lý, nhượng bán	(12.150.000)	-	-	(61.101.470)	(73.251.470)
Số cuối năm	<u>17.478.560.181</u>	<u>215.233.967</u>	<u>31.887.772.254</u>	<u>370.785.869</u>	<u>49.952.352.271</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	424.518.879	19.500.000	146.948.291	257.113.602	848.080.772
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.718.019.388	155.005.694	23.939.351.613	265.124.816	31.077.501.511
Khấu hao trong năm	1.361.173.300	16.830.636	3.172.710.912	57.610.024	4.608.324.872
Thanh lý, nhượng bán	(12.150.000)	-	-	(53.011.823)	(65.161.823)
Số cuối năm	<u>8.067.042.688</u>	<u>171.836.330</u>	<u>27.112.062.525</u>	<u>269.723.017</u>	<u>35.620.664.560</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.143.686.138	60.228.273	7.948.420.641	119.512.523	14.271.847.575
Số cuối năm	<u>9.411.517.493</u>	<u>43.397.637</u>	<u>4.775.709.729</u>	<u>101.062.852</u>	<u>14.331.687.711</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	25.000.000	25.000.000	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	25.000.000	25.000.000	-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
XDCB dở dang	128.246.957	4.538.121.655	(4.508.121.655)	158.246.957
- Công trình thảm bê tông Bến xe phía Bắc vị trí xe đēm & PT khác	-	1.785.592.627	(1.785.592.627)	-
- Công trình thảm bê tông Bến xe Cam Ranh vị trí xe đón trả khách	-	903.909.278	(903.909.278)	-
- Công trình thảm bê tông Bến xe Cam Ranh vị trí xe đậu đēm và PT khác	-	1.102.606.700	(1.102.606.700)	-
- Công trình Nhà kho Bến xe Phía Nam	-	291.650.000	(291.650.000)	-
- Công trình phòng khách chờ Bến Xe Phía Nam	-	205.727.522	(205.727.522)	-
- Công trình Căn tin ăn uống Bến xe Phía Nam	-	185.174.528	(185.174.528)	-
- Thi công xây dựng công số 2 đường Tôn Thất Tùng, BX Cam Ranh	-	33.461.000	(33.461.000)	-
- Công trình Bến xe Thị xã Cam Ranh	-	30.000.000	-	30.000.000
- Công trình bến xe Diên Khánh	75.929.424	-	-	75.929.424
- Nâng cấp Văn phòng Công ty	10.052.727	-	-	10.052.727
- Công trình mở rộng bến xe Phía Nam	3.401.806	-	-	3.401.806
- Quyền sử dụng đất	38.863.000	-	-	38.863.000
- Các công trình khác	-	16.846.364	(16.846.364)	-
Cộng	128.246.957	4.538.121.655	(4.508.121.655)	158.246.957

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD</u>	<u>Số cuối năm</u>
Hoạt động bến xe	67.213.538	106.279.091	(96.374.878)	77.117.751
Hoạt động xe buýt	140.773.940	176.515.000	(139.007.418)	178.281.522
Cộng	207.987.478	282.794.091	(235.382.296)	255.399.273

11. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm nay là của Quỹ Đầu Tư Phát Triển Khánh Hòa.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	184.000.000	1.624.032.960
Số kết chuyển	-	184.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(184.000.000)	(1.624.032.960)
Số cuối năm	-	184.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	669.051.980	454.168.000
Doanh nghiệp tư nhân Xăng dầu Thái Anh	209.504.500	182.291.200
Công Ty Xăng Dầu Quân Đội khu vực 3	162.144.460	-
Công ty Cổ phần Ô tô điện máy Nha Trang	114.180.792	-
Các nhà cung cấp khác	102.453.410	198.860.755
Cộng	<u>1.257.335.142</u>	<u>835.319.955</u>

13. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trần Thị Hải Hạnh	-	162.745.000
Đào Trí Tâm	152.420.000	-
Cộng	<u>152.420.000</u>	<u>162.745.000</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	83.456.486	927.316.128	(908.210.484)	102.562.130
- Bền xe	83.456.486	824.225.219	(805.119.575)	102.562.130
- Xe buýt	-	103.090.909	(103.090.909)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	205.028.429	672.724.937	(702.795.831)	174.957.535
- Bền xe	162.755.685	529.639.216	(558.523.898)	133.871.003
- Xe buýt	42.272.744	143.085.721	(144.271.933)	41.086.532
Thuế thu nhập cá nhân	84.875.903	127.519.974	(214.579.645)	(2.183.768)
- Bền xe	52.946.308	80.067.323	(110.745.046)	22.268.585
- Xe buýt	31.929.595	47.452.651	(103.834.599)	(24.452.353)
Tiền thuê đất	-	16.321.691	(16.321.691)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Các loại thuế khác	-	32.429.500	(32.429.500)	-
Cộng	<u>373.360.818</u>	<u>1.743.882.730</u>	<u>(1.841.907.651)</u>	<u>275.335.897</u>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.6).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt không chịu thuế, các dịch vụ khác thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được quyết toán riêng cho từng hoạt động: bền xe, xe buýt (hoạt động công ích) và hoạt động quảng cáo trên thân xe buýt.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.269.655.016	1.884.403.443
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận của hoạt động bến xe	2.118.315.544	1.726.252.973
Lợi nhuận của hoạt động xe buýt	11.005.003	-
Lợi nhuận của hoạt động cho thuê quảng cáo trên thân xe buýt	561.337.881	632.601.882
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	241.315	(4.073.483)
- Các khoản điều chỉnh tăng	241.315	14.750.101
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(18.823.584)
Thu nhập tính thuế	2.679.894.740	2.354.781.372
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	672.724.937	588.695.343
<i>Trong đó:</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động bến xe	529.639.216	430.544.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động xe buýt	143.085.721	158.150.470
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	4.705.896
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	672.724.937	593.401.239

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Số dư cuối năm là quỹ tiền lương còn phải trả cho người lao động.

- Đối với bộ phận xe buýt: Quỹ lương trích được Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Khánh Hòa phê duyệt theo công văn 6245/UBND-VX ngày 6/11/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc đặt hàng vận chuyển hành khách bằng xe buýt có trợ giá ngân sách nhà nước với đơn giá tiền lương 1.968.940 đồng/1.000 đồng lợi nhuận. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý là 118.353.515 đồng/năm. Để được hưởng đơn giá tiền lương và quỹ lương trên, điều kiện doanh nghiệp phải đảm bảo lợi nhuận năm 2012 là 10 triệu đồng.
- Đối với bộ phận dịch vụ bến xe: Công ty trích lương theo đơn giá tiền lương tại công văn số 2961/UBND-VX ngày 04 tháng 6 năm 2012 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Khánh Hòa với đơn giá tiền lương là 530,67đ/1.000 đồng doanh thu. Quỹ tiền lương viên chức quản lý là 466.782.918 đồng/năm. Để được hưởng đơn giá tiền lương và quỹ lương trên, điều kiện Công ty phải đảm bảo lợi nhuận năm 2012 là 1.750.000.000 đồng.

Ngoài ra, việc trích và quyết toán quỹ tiền lương còn thực hiện theo quy định tại thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả cho hoạt động Xe buýt	1.317.001.661	150.365.131
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn xe Buýt	469.752.688	
- Chi phí xăm lốp	847.248.973	
Cộng	<u>1.317.001.661</u>	<u>150.365.131</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	294.025.664	163.451.501
Thuế TNCN còn phải trả (xe buýt)	26.023.383	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.462.400	13.086.796
Cộng	<u>331.511.447</u>	<u>176.538.297</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng ban điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.371.937.496	242.620.256	56.280.274	1.670.838.026
Trích từ lợi nhuận năm nay	1.253.757.163	686.216.087	71.861.854	2.011.835.104
Trích lập từ trợ giá	855.159.464	1.201.480.264	-	2.056.639.728
Thu khác	15.191.000	6.050.000	-	21.241.000
Chi quỹ trong năm	(2.417.081.534)	(861.076.527)	(83.849.879)	(3.362.007.940)
Chuyển nguồn	(27.569.605)	-	27.569.605	-
Số cuối năm	<u>1.051.393.984</u>	<u>1.275.290.080</u>	<u>71.861.854</u>	<u>2.398.545.918</u>

19. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ của nhân viên lái xe buýt	347.000.000	358.000.000
Ký quỹ của bộ phận xe khách và các cửa hàng	526.550.000	376.050.000
Cộng	<u>873.550.000</u>	<u>734.050.000</u>

20. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động Bến xe	5.590.904	-
Hoạt động Xe buýt	617.272.725	241.818.182
Cộng	<u>622.863.629</u>	<u>241.818.182</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.678.526.451	-	321.622.918	1.315.057.518	22.315.206.887
Tăng vốn từ lợi nhuận còn lại 2007-2009	-	906.704.615	-	(906.704.615)	-
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	1.291.002.204	1.291.002.204
Nộp ngân sách	-	-	-	(407.177.532)	(407.177.532)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	129.100.219	(3.019.876.563)	(2.890.776.344)
Cấp bù 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	2.309.825.351	2.309.825.351
Điều chỉnh trích lập quỹ	-	-	-	9.251.208	9.251.208
Thuế bị truy thu của các năm trước	-	-	(4.032.944)	(16.779.538)	(20.812.482)
Số dư cuối năm trước	20.678.526.451	906.704.615	446.690.193	574.598.033	22.606.519.292
Số dư đầu năm nay	20.678.526.451	906.704.615	446.690.193	574.598.033	22.606.519.292
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	1.596.930.079	1.596.930.079
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	159.693.008	(2.171.528.112)	(2.011.835.104)
Số dư cuối năm nay	20.678.526.451	906.704.615	606.383.201	-	22.191.614.267

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ bến xe	13.617.299.469	12.075.307.339
Doanh thu hoạt động xe buýt	52.158.251.350	44.858.137.674
- Doanh thu bán vé xe buýt	20.366.269.000	18.892.406.000
- Doanh thu trợ giá xe buýt	31.136.527.802	25.254.595.315
- Doanh thu quảng cáo trên xe buýt	655.454.548	711.136.359
Cộng	65.775.550.819	56.933.445.013

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ bến xe	9.698.728.786	8.861.848.587
Giá vốn hoạt động xe buýt	51.242.961.877	44.101.018.475
Cộng	60.941.690.663	52.962.867.062

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	14.139.607	17.970.754
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	888.386.890	1.144.426.748
Cộng	<u>902.526.497</u>	<u>1.162.397.502</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.764.932.016	2.206.574.495
Chi phí vật liệu	93.540.031	78.175.585
Chi phí công cụ, dụng cụ	96.379.276	163.488.190
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120.697.036	130.154.663
Thuế phí, lệ phí	25.809.256	121.257.405
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.378.017	131.467.569
Chi phí bằng tiền khác	748.962.787	652.520.672
Cộng	<u>3.987.698.419</u>	<u>3.483.638.579</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm chưa chi	160.434.848	-
Thu tiền bán vật tư đã qua sử dụng	114.937.637	144.123.790
Tiền điện, tiền nước khách hàng sử dụng	162.451.346	164.711.202
Thu nhập khác	94.698.913	85.971.662
Cộng	<u>532.522.744</u>	<u>394.806.654</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại Tài sản cố định thanh lý	8.089.647	-
Chi phí thanh lý	-	31.998.186
Chi phí bồi thường thuê căn tin	-	14.760.000
Phạt do nộp chậm thuế	241.315	14.750.101
Chi phí khác	1.297.000	1.079.654
Cộng	<u>9.627.962</u>	<u>62.587.941</u>

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.115.948.271	17.639.177.466
Chi phí nhân công	32.311.391.605	28.136.344.932
Chi phí khấu hao tài sản cố định ^(*)	4.608.324.872	6.352.204.015

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Trong năm 2011, Công ty trích bổ sung chi phí khấu hao của các năm trước là 2.210.931.349 VND theo Kết luận thanh tra của Sở Tài chính Khánh Hòa số 3816/KL-STC ngày 24 tháng 11 năm 2011 sử dụng nguồn chi phí trích trước sửa chữa lớn của các năm trước chưa chi.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	609.950.785	893.953.221
Tiền thưởng	70.062.055	66.559.610
Khoản khác	3.816.000	-
Cộng	<u>683.828.840</u>	<u>960.512.831</u>

Giao dịch với Đại diện chủ sở hữu

Công ty thực hiện hoạt động vận chuyển xe buýt theo quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Khánh Hòa về việc đặt hàng hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt có trợ giá của ngân sách Nhà Nước.

Chỉ tiêu giao từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau (tính theo mức giá kế hoạch của nhiên liệu là 21.820 VND/lít):

- Tổng số lượt xe: 167.170 lượt; tổng số km xe hoạt động: 2.871.381 km; tổng số lượt khách vận chuyển: 7.200.000 người; tổng doanh thu: 20.595.372.000 VND.
- Cấp bù tối đa 31.467.611.000 VND theo quyết định đặt hàng, trong đó các khoản chi phí cố định (khấu hao tài sản cố định, trích trước chi phí sửa chữa lớn, lãi vay, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn, chi phí bảo hiểm, đăng kiểm xe buýt và chi phí lắp đặt hệ thống GPS) là 9.371.284.000 VND.

Giao dịch với đại diện chủ sở hữu trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cấp bù chi phí hoạt động xe buýt(*)	31.136.527.802	25.254.595.315
Cấp bù quỹ khen thưởng, phúc lợi (tạm trích)	-	2.309.825.351

(*)Số cấp bù chi phí hoạt động xe buýt trên đây bao gồm cả bù trừ sau quyết toán 2011 với UBND Tỉnh và các phát sinh khác. Số cấp bù chi phí hoạt động xe buýt tạm tính năm 2012 là 31.102.765.102 đồng (số Quyết toán theo Quyết định của Tỉnh số phải cấp bù năm 2011 là 27.381.357.000 đồng).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ còn phải thu của Nhà nước như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trợ giá xe buýt (xem thuyết minh V.6)	9.517.592.338	621.524.808
Cộng nợ phải thu	<u>9.517.592.338</u>	<u>621.524.808</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ấn

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	1.257.335.142	-	1.257.335.142
Các khoản phải trả khác	1.648.513.108	873.550.000	2.522.063.108
Cộng	2.905.848.250	873.550.000	3.779.398.250
Số đầu năm			
Vay và nợ	184.000.000	-	184.000.000
Phải trả người bán	835.319.955	-	835.319.955
Các khoản phải trả khác	326.903.428	930.064.703	1.256.968.131
Cộng	1.346.223.383	930.064.703	2.276.288.086

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền và kỳ hạn gửi thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sử dụng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.881.880.532	-	12.590.096.570	-	7.881.880.532	12.590.096.570
Phải thu khách hàng	297.521.578	-	47.400.000	-	297.521.578	47.400.000
Các khoản phải thu khác	53.842.154	-	96.479.151	-	53.842.154	96.479.151
Cộng	8.233.244.264	-	12.733.975.721	-	8.233.244.264	12.733.975.721

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	-	184.000.000	-	184.000.000
Phải trả người bán	1.257.335.142	835.319.955	1.257.335.142	835.319.955
Các khoản phải trả khác	2.522.063.108	1.256.968.131	2.522.063.108	1.256.968.131
Cộng	3.779.398.250	2.276.288.086	3.779.398.250	2.276.288.086

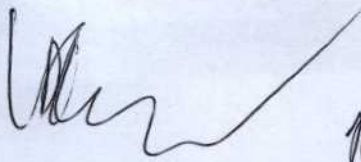
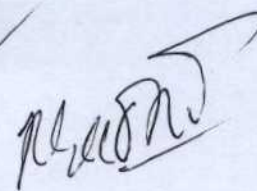
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Nha Trang, ngày 25 tháng 01 năm 2013



Lê Văn Long
Người lập biểu

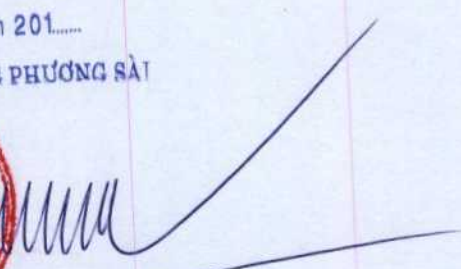
Huỳnh Thị Hoài Phương
Kế toán trưởng

Ngô Văn Định
Giám đốc

CHUNG THỰC BẢN SỬ DỤNG VOUCHER CHÍNH
Số chứng thực 05979 Quyền số SCT/CK
Ngày 31-07-2015 tháng năm 201...

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯƠNG SÀI




Nguyễn Thị Ánh Phương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHI TIẾT TỪNG BỘ PHẬN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Bến xe		Xe Buýt		Cộng		Số liệu sau khi loại trừ công nợ nội bộ	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.576.673.600	8.357.767.598	12.887.253.852	7.793.028.442	19.463.927.452	16.150.796.040	19.463.927.452	15.932.888.420
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.360.726.730	7.826.603.046	1.521.153.802	4.763.493.524	7.881.880.532	12.590.096.570	7.881.880.532	12.590.096.570
1. Tiền	111		960.726.730	126.603.046	371.153.802	763.493.524	1.331.880.532	890.096.570	1.331.880.532	890.096.570
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.400.000.000	7.700.000.000	1.150.000.000	4.000.000.000	6.550.000.000	11.700.000.000	6.550.000.000	11.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-	-	-	-	-	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-	-	-	-	-	-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.677.024	421.644.408	211.686.708	251.324.363	351.363.732	672.968.771	351.363.732	455.061.151
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	90.521.578	47.400.000	207.000.000	-	297.521.578	47.400.000	297.521.578	47.400.000
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	-	311.182.000	-	-	-	311.182.000	-	311.182.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-	-	217.907.620	-	217.907.620	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	49.155.446	63.062.408	4.686.708	33.416.743	53.842.154	96.479.151	53.842.154	96.479.151
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-	-	-	-	-	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		15.078.739	26.076.115	1.451.437.268	1.940.997.444	1.466.516.007	1.967.073.559	1.466.516.007	1.967.073.559
1. Hàng tồn kho	141	V.5	15.078.739	26.076.115	1.451.437.268	1.940.997.444	1.466.516.007	1.967.073.559	1.466.516.007	1.967.073.559
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	-	-	-	-	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.191.107	83.444.029	9.702.976.074	837.213.111	9.764.167.181	920.657.140	9.764.167.181	920.657.140
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	61.191.107	83.444.029	160.931.383	215.688.303	222.122.490	299.132.332	222.122.490	299.132.332
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.7	-	-	9.542.044.691	621.524.808	9.542.044.691	621.524.808	9.542.044.691	621.524.808
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

PHỤ LỤC 01

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Bến xe		Xe Buýt		Cộng		Số liệu sau khi loại trừ công nợ nội bộ	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.452.675.482	6.274.927.619	5.292.658.459	8.333.154.391	14.745.333.941	14.608.082.010	14.745.333.941	14.608.082.010
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-	-	-	-	-	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-	-	-	-	-	-	-
II. Tài sản cố định	220		9.375.557.731	6.207.714.081	5.114.376.937	8.192.380.451	14.489.934.668	14.400.094.532	14.489.934.668	14.400.094.532
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	9.217.310.774	6.079.467.124	5.114.376.937	8.192.380.451	14.331.687.711	14.271.847.575	14.331.687.711	14.271.847.575
<i>Nguyên giá</i>	222		17.821.875.998	13.327.605.813	32.130.476.273	32.021.743.273	49.952.352.271	45.349.349.086	49.952.352.271	45.349.349.086
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.604.565.224)	(7.248.138.689)	(27.016.099.336)	(23.829.362.822)	(35.620.664.560)	(31.077.501.511)	(35.620.664.560)	(31.077.501.511)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-	-	-	-	-	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-	-	-	-	-	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		25.000.000	25.000.000	-	-	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(25.000.000)	(25.000.000)	-	-	(25.000.000)	(25.000.000)	(25.000.000)	(25.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	158.246.957	128.246.957	-	-	158.246.957	128.246.957	158.246.957	128.246.957
III Bất động sản đầu tư	240		-	-	-	-	-	-	-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-	-	-	-	-	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-	-	-	-	-	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-	-	-	-	-	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-	-	-	-	-	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		77.117.751	67.213.538	178.281.522	140.773.940	255.399.273	207.987.478	255.399.273	207.987.478
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	77.117.751	67.213.538	178.281.522	140.773.940	255.399.273	207.987.478	255.399.273	207.987.478
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		16.029.349.082	14.632.695.217	18.179.912.311	16.126.182.833	34.209.261.393	30.758.878.050	34.209.261.393	30.540.970.430

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

PHỤ LỤC 01

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Bến xe		Xe Buýt		Cộng		Số liệu sau khi loại trừ công nợ nội bộ	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.777.947.665	2.965.563.400	7.239.699.461	5.186.795.358	12.017.647.126	8.152.358.758	12.017.647.126	7.934.451.138
I. Nợ ngắn hạn	310		4.245.806.761	2.409.745.777	6.275.426.736	4.570.730.096	10.521.233.497	6.980.475.873	10.521.233.497	6.762.568.253
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	-	-	-	184.000.000	-	184.000.000	-	184.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.13	90.660.755	159.030.755	1.166.674.387	676.289.200	1.257.335.142	835.319.955	1.257.335.142	835.319.955
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	-	-	152.420.000	162.745.000	152.420.000	162.745.000	152.420.000	162.745.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	258.701.718	299.158.479	41.086.532	74.202.339	299.788.250	373.360.818	299.788.250	373.360.818
5. Phải trả người lao động	315	V.16	1.872.090.816	1.510.962.118	2.892.540.263	1.698.438.908	4.764.631.079	3.209.401.026	4.764.631.079	3.209.401.026
6. Chi phí phải trả	316	V.17	-	-	1.317.001.661	150.365.131	1.317.001.661	150.365.131	1.317.001.661	150.365.131
7. Phải trả nội bộ	317		-	217.907.620	-	-	-	217.907.620	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.730.352	16.609.657	329.781.095	159.928.640	331.511.447	176.538.297	331.511.447	176.538.297
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	-	-	-	-	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	2.022.623.120	206.077.148	375.922.798	1.464.760.878	2.398.545.918	1.670.838.026	2.398.545.918	1.670.838.026
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-	-	-	-	-	-	-
II. Nợ dài hạn	330		532.140.904	555.817.623	964.272.725	616.065.262	1.496.413.629	1.171.882.885	1.496.413.629	1.171.882.885
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	526.550.000	376.050.000	347.000.000	358.000.000	873.550.000	734.050.000	873.550.000	734.050.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	-	179.767.623	-	16.247.080	-	196.014.703	-	196.014.703
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.22	5.590.904	-	617.272.725	241.818.182	622.863.629	241.818.182	622.863.629	241.818.182
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TÀI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

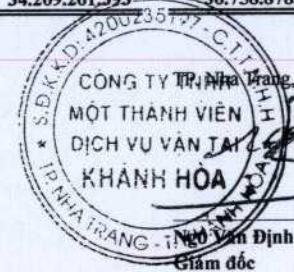
PHỤ LỤC 01

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Bến xe		Xe Buýt		Cộng		Số liệu sau khi loại trừ công nợ nội bộ	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.251.401.417	11.667.131.817	10.940.212.850	10.939.387.475	22.191.614.267	22.606.519.292	22.191.614.267	22.606.519.292
I. Vốn chủ sở hữu	410		11.251.401.417	11.667.131.817	10.940.212.850	10.939.387.475	22.191.614.267	22.606.519.292	22.191.614.267	22.606.519.292
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	9.739.138.976	9.739.138.976	10.939.387.475	10.939.387.475	20.678.526.451	20.678.526.451	20.678.526.451	20.678.526.451
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.23	906.704.615	906.704.615	-	-	906.704.615	906.704.615	906.704.615	906.704.615
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	605.557.826	446.690.193	825.375	-	606.383.201	446.690.193	606.383.201	446.690.193
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	-	574.598.033	-	-	-	574.598.033	-	574.598.033
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-	-	-	-	-	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-	-	-	-	-	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-	-	-	-	-	-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		16.029.349.082	14.632.695.217	18.179.912.311	16.126.182.833	34.209.261.393	30.758.878.050	34.209.261.393	30.540.970.430

(Handwritten signature)

Số chứng thực 05 Quyển số 980 SCT/CK
 Ngày 31-07-2015 tháng 07 năm 2015

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯƠNG SÀI
 Nguyễn Thị Hoài Phương
 Kế toán trưởng



CÔNG TY TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Vận Tài Khánh Hòa
 Nguyễn Văn Định
 Giám đốc

Lê Văn Long
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh Phương

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Số 58, Đường 23/10, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

PHỤ LỤC 2



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHI TIẾT TỪNG BỘ PHẬN

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Bến xe		Xe buýt		Cộng	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	13.617.299.469	12.075.307.339	52.158.251.350	44.858.137.674	65.775.550.819	56.933.445.013
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	13.617.299.469	12.075.307.339	52.158.251.350	44.858.137.674	65.775.550.819	56.933.445.013
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	9.698.728.786	8.861.848.587	51.242.961.877	44.101.018.475	60.941.690.663	52.962.867.062
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.918.570.683	3.213.458.752	915.289.473	757.119.199	4.833.860.156	3.970.577.951
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	464.021.934	908.809.696	438.504.563	253.587.806	902.526.497	1.162.397.502
7. Chi phí tài chính	22		-	-	1.928.000	97.152.144	1.928.000	97.152.144
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	1.928.000	97.152.144	1.928.000	97.152.144
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	2.642.777.996	2.579.554.515	1.344.920.423	904.084.064	3.987.698.419	3.483.638.579
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.739.814.621	1.542.713.933	6.945.613	9.470.797	1.746.760.234	1.552.184.730
11. Thu nhập khác	31	VI.5	386.831.885	214.128.795	145.690.859	180.677.859	532.522.744	394.806.654
12. Chi phí khác	32	VI.6	8.330.962	30.589.755	1.297.000	31.998.186	9.627.962	62.587.941
13. Lợi nhuận khác	40		378.500.923	183.539.040	144.393.859	148.679.673	522.894.782	332.218.713
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.118.315.544	1.726.252.973	151.339.472	158.150.470	2.269.655.016	1.884.403.443
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	529.639.216	435.250.769	143.085.721	158.150.470	672.724.937	593.401.239
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.588.676.328	1.291.002.204	8.253.751	-	1.596.930.079	1.291.002.204
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-	-	-

Số chứng thực 30-59/2013/SCT/CK
 Ngày 25 tháng 01 năm 2013

Lê Văn Long
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Anh Phương
 Huỳnh Thị Hoài Phương
 Kế toán trưởng

TP. Nha Trang, ngày 25 tháng 01 năm 2013
 Ngô Văn Định
 Giám đốc